

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 5 - 2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Đức Đông và bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Dương Thị T, sinh năm 1985, số định danh cá nhân: 019185000657; nơi cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Bị đơn: anh Vũ Bình M, sinh năm 1977, số định danh cá nhân: 035077002001; nơi cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Ninh Bình; hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N1, Cục C, Bộ C1; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Dương Thị T trình bày:* chị kết hôn với anh Vũ Bình M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/3/2005 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (nay là: UBND xã T, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M chơi bời, không tu chí làm ăn và tháng 7 năm 2021 vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm kết án, hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N1. Trong thời gian chấp hành án, anh M không thay đổi bản chất, ghen tuông và đòi hỏi đáp ứng những gì anh ấy muốn. Vợ chồng đã nhiều lần tự giải quyết mâu thuẫn và cũng đã được gia đình khuyên bảo, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra đã lâu,

tình cảm vợ chồng không còn; nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh M theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Vũ Duy A, sinh ngày 18/8/2006; Vũ Hà L, sinh ngày 13/6/2009 và Vũ Tuấn N, sinh ngày 20/7/2012. Hiện nay, cháu Duy A đã trưởng thành, lao động tự lập được. Đối với 02 cháu nhỏ là cháu Vũ Hà L và Vũ Tuấn N, hiện đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, công nợ: vợ chồng không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, cấp dưỡng khi ly hôn: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại Bản tự khai (không ghi ngày, tháng, năm), bị đơn là anh Vũ Bình M trình bày:* anh và chị Dương Thị T quen biết nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (nay là xã T, tỉnh Ninh Bình). Trong quá trình chung sống, anh và chị T chung sống hòa thuận đến năm 2024. Do vợ chồng còn nợ ngân hàng số tiền 800.000.000 đồng, nên vợ chồng đã bán mảnh đất của mẹ đẻ anh cho được 1.700.000.000 đồng. Sau khi trả hết các khoản nợ, còn dư 200.000.000 đồng, anh đã đưa cho mẹ đẻ anh giữ. Từ đó giữa anh và chị T đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị T có đơn xin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý và yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình giải quyết ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 3 con chung là Vũ Duy A, sinh năm 2006, hiện đã lập gia đình và đang sinh sống tại xã T; Vũ Hà L, sinh năm 2009 và Vũ Tuấn N, sinh năm 2012. Sau khi ly hôn, do bản thân anh đang chấp hành án tại Trại giam N1, nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng các cháu; vì vậy anh đồng ý để chị T chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi anh chấp hành án xong, anh và chị T sẽ thỏa thuận nuôi dưỡng các con. Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Xác minh tại UBND xã T xác định:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị T và anh Vũ Bình M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/3/2005. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (nay là: thôn T, xã T, tỉnh Ninh Bình). Trong quá trình chung sống ở địa phương, chính quyền, đoàn thể địa phương không thấy anh chị có mâu thuẫn gì. Còn thực tế anh chị có mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm được. Đến năm 2021, anh Vũ Bình M có hành vi vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm (cũ) xử phạt tù về tội liên quan đến ma túy. Hiện nay, anh M đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N1; còn chị T đang sinh sống tại địa phương và làm công nhân. Quan điểm của chính quyền, đoàn thể xã T: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Dương Thị T và anh Vũ Bình M đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn do anh M đang chấp hành án phạt tù nhiều năm. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa:**

- Chị Dương Thị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Về án phí: chị T tự nguyện xin nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao - đề nghị Hội đồng xét xử: xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Vũ Bình M. Về con chung: giao cho chị Dương Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung là cháu Vũ Hà L và cháu Vũ Tuấn N, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh Vũ Bình M không phải cấp dưỡng cho con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về án phí ly hôn sơ thẩm: đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Dương Thị T có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Vũ Bình M cư trú tại thôn T, xã T, tỉnh Ninh Bình; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số: 85/2025/QH15 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Vũ Bình M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Vũ Bình M là tự nguyện, có đăng ký kết hôn; nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh M chơi bời, không tu chí làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, bản thân anh chị cũng đã nhiều lần tự hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Đến tháng 7 năm

2021, anh M vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm kết án; hiện nay anh M đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N1. Nay, chị T có đơn xin ly hôn với anh M, bản thân anh M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; việc chị T và anh M thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: chị Dương Thị T và anh Vũ Bình M có 03 con chung là Vũ Duy A, sinh ngày 18/8/2006; Vũ Hà L, sinh ngày 13/6/2009 và Vũ Tuấn N, sinh ngày 20/7/2012. Hiện nay, cháu Vũ Duy A đã lập gia đình; còn cháu L và cháu N đang được chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, cháu N và không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con. Anh M có ý kiến do hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù, không thể trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, vì vậy anh đồng ý cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi anh chấp hành án xong. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L và cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: do chị T không yêu cầu; nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, cấp dưỡng khi ly hôn: chị Dương Thị T và anh Vũ Bình M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: chị Dương Thị T và anh Vũ Bình M mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Tại phiên tòa, chị T tự nguyện xin nộp toàn bộ án phí; nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Vũ Bình B.

2. Về con chung: giao cháu Vũ Hà L, sinh ngày 13/6/2009 và cháu Vũ Tuấn N, sinh ngày 20/7/2012 cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh Vũ Bình M không phải cấp dưỡng cho con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: chị Dương Thị T và anh Vũ Bình M mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chấp nhận sự tự nguyện nộp toàn bộ án phí của chị

Dương Thị T, đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000147 ngày 09/01/2026; trả lại cho chị Dương Thị T số tiền 150.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: chị Dương Thị T có mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Bình M vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Thanh Liêm, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Công Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lại Xuân Cảnh